

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14/11/2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Anh.

2. Ông Nguyễn Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 14/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ H sinh năm 1985; địa chỉ xóm 10, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm T sinh năm 1984; địa chỉ xóm 10, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/8/2018 được bổ sung tại bản tự khai ngày 24/8/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã KT ngày 28/02/2007. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T ăn chơi, cờ bạc, rượu chè, không chịu khó làm ăn. Từ năm 2013 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau cũng do anh T không tu trí lo cho kinh tế gia đình. Tháng 11 năm 2017 chị H đã khởi kiện xin ly hôn đôi với anh T tại Tòa án, nhưng chị H đã cho anh T cơ hội quay về đoàn tụ nên đã rút đơn khởi kiện, từ đó đến nay anh T vẫn không có chuyển biến thay đổi gì, vẫn ăn chơi nhiều hơn, hay đi chơi qua đêm không về nhà. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H xin được ly hôn với anh T. Về con, vợ

chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị P sinh ngày 30/9/2009; chị H đề nghị giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu P trưởng thành. Về tài sản, vợ chồng đã tự phân chia tài sản, nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng chị H không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018 bị đơn là anh T trình bày: Anh T không đồng ý ly hôn với chị H. Về con, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị P sinh ngày 29/9/2009, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn trong vụ án chưa chấp hành và chưa thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh T.
- Về con: Giao cháu P sinh ngày 30/9/2009 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi; anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H 700.000 đồng/tháng và có quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn.
- Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và anh T phải nộp 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của chị H là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, anh T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YK thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện YK tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh T.

[2] Về ly hôn:

Theo lời khai của chị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, chị H và anh T kết hôn với nhau, là do hai bên tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã KT ngày 28/02/2007. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị H khai thì nguyên nhân là do anh T chơi bời, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 01/11/2017 chị H khởi kiện xin ly hôn với anh T, ngày 05/12/2017 anh T có viết giấy cam đoan với nội dung “Bản thân tôi cam đoan từ nay luôn ở nhà để cùng nhau phát triển kinh tế, trong cuộc sống luôn tôn trọng gia đình để đưa gia đình cùng tiến bộ” đến ngày 06/12/2017 chị H rút đơn khởi kiện xin ly hôn, sau đó đến ngày 13/8/2018 chị H lại tiếp tục làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh T. Về phía anh T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc và có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Như vậy, thấy rằng anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không có thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng bằng việc đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, điều này khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh T ly hôn.

[3] Về nuôi con:

Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Thị P sinh ngày 30/9/2009. Chị H đề nghị giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; nguyện vọng của cháu P là được ở với chị H, tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 07/10/2018 thể hiện quan điểm của Hội phụ nữ xã KT là nên giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng là 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu P trưởng thành.

[4] Về tài sản: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

- Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ, theo quyết định của Tòa án, nên phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ H, cho chị Vũ H và anh Phạm T ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ H, giao cháu Phạm P sinh ngày 30/9/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho H mỗi tháng là 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu P trưởng thành.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu P được sống chung với chị H và anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu P; chị H không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu P.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Vũ H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001900 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Buộc anh Phạm T phải nộp 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã KT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực